

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP V
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 4- 2020

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám

2. Ông Nguyễn Văn Bùi

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị L - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 479/20 Trương Công Định, phường 7, thành phố V, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Hoàng Thị T- Luật sư công ty TNHH MTV HT, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt)

2. Bị đơn: ông Tạ Quang L, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: E2-4/19 Khu trung tâm đô thị Chí Linh, phường 10, thành phố V, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Đức Q - Luật sư công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2018 và quá trình làm việc tại tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L trình bày:

Bà Trần Thị Thùy L và ông Tạ Quang L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố V. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, thương xuyên đánh đập bà dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Tạ Quang L.

Về con chung: bà L xác định vợ chồng có 04 (bốn) con chung là cháu Tạ Thảo N, sinh ngày: 27-4-2005; Tạ Bảo N, sinh ngày: 04-12-2008; Tạ Quang V, sinh ngày: 29-3-2016 và Tạ Anh T, sinh ngày: 14-02-2018. Bà L có nguyện vọng được nuôi 04 (bốn) con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng/4 con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28-8-2018 bà Trần Thị Thùy L trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà tạo lập được khối tài sản chung và bà Trần Thị Thùy L yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 229, tờ bản đồ số 49, diện tích 82,4m² tọa lạc tại phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số BD 962463.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ số 88, diện tích 72m² tọa lạc tại phường 10, thành phố Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số AK 916624 ngày 22-10-2007; ông L, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh H ngày 22-8-2014.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 13, diện tích 335m² tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số CE 484487 ngày 11-10-2016; ông Lương, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Tư D, bà Nguyễn Thị T ngày 28-3-2017.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1329, tờ bản đồ số 13, diện tích 239m² tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số CE 484486 ngày 11-10-2016; ông L, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Tư D, bà Nguyễn Thị Th ngày 28-3-2017.

- Nhà đất tọa lạc tại số 249 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 777472653600193 cho bà Văn Thị Ngọc C. Ông L, bà L nhận chuyển nhượng ngày 28-3-2017.

Ngày 02-12-2019 và ngày 13-02-2020 bà Trần Thị Thùy L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

* Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa, bị đơn ông Tạ Quang L xác nhận về điều kiện chung sống và kết hôn như bà L trình bày là đúng sự thật. Trong quá trình chung sống, ông L xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 05-12-2019 và tại phiên tòa hôm nay, ông L xét thấy vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên chấp nhận ly hôn với bà Trần Thị Thùy L.

Về con chung: ông L xác định vợ chồng có 04 (bốn) con chung là cháu Tạ Thảo N, sinh ngày: 27-4-2005; Tạ Bảo N, sinh ngày: 04-12-2008; Tạ Quang V, sinh ngày: 29-3-2016 và Tạ Anh T, sinh ngày: 14-02-2018. Ông L có nguyện vọng được nuôi 04 (bốn) con chung. Về cấp dưỡng do hai bên thỏa thuận. Tại phiên tòa, theo nguyện vọng của các con nên ông L có nguyện vọng nuôi cháu Tạ Bảo N và Tạ Quang V, nhường quyền nuôi cháu Tạ Thảo N và Tạ Anh T cho bà L nuôi, hai bên không cấp dưỡng.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 13-8-2018, ông Tạ Quang L yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ số 88, diện tích 72m² tọa lạc tại phường 10, thành phố Vũng Tàu, ông L được chia 2/3 giá trị nhà đất nêu trên. Ngày 05-12-2019 ông Tạ Quang L có đơn xin rút yêu cầu phản tố ngày 13-8-2018.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Về yêu cầu ly hôn và tranh chấp tài sản chung : Tại phiên tòa, Bà L và ông L đồng ý ly hôn, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 (bốn) con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà L có nguyện vọng nuôi cháu Quang V và cháu Anh T và nhường quyền nuôi cháu Thảo N, cháu Bảo N cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng bởi các lẽ: Cháu Anh T dưới 36 tháng tuổi, cháu Quang V hiện nay mới 04 (bốn) tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ trực tiếp từ người mẹ. Ông L nhiều lần có hành vi cản trở, hành hung mỗi khi bà L đến thăm con, dẫn đến cháu V có dấu hiệu bị sang chấn tâm lý nặng nề, nghiêm trọng. Bên cạnh đó, bà L có công việc, thu nhập ổn định, hoàn toàn có đủ khả năng tài chính và thời gian để đảm bảo

chăm sóc con tốt hơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu Anh T.

*Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Về yêu cầu ly hôn và tranh chấp tài sản chung : Tại phiên tòa, Bà L và ông L đồng ý ly hôn, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc tranh chấp tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông L có nguyện vọng nuôi cháu Quang V và cháu Bảo N và nhường quyền nuôi cháu Thảo N, cháu Anh T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng bởi các lẽ: Cháu Anh T dưới 36 tháng tuổi, còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Ông L tôn trọng nguyện vọng của cháu Thảo N và cháu Bảo N. Riêng đối với cháu Quang V hiện nay mới 04 (bốn) tuổi, từ năm 2018 cho đến nay sống với ông L. Trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng các con, ông L đảm bảo việc nuôi dạy con tốt, các cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh, ngoan ngoãn, học giỏi. Ngoài ra, ông L có công ty riêng, có thu nhập cao, có chỗ ở ổn định. Bà L cho rằng ông L nhiều lần có hành vi cản trở, không cho bà L đến thăm con, cháu V có dấu hiệu bị sang chấn tâm lý nặng nề là không có cơ sở. Vì vậy, theo nguyện vọng của con và không để xáo trộn cuộc sống của trẻ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vinh và cháu Bảo N.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L đối với ông Tạ Quang L.

Hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy L được ly hôn với ông Tạ Quang L.

Về con chung: Hai bên xác định có 04 (bốn) con chung là cháu Tạ Thảo N, sinh ngày: 27-4-2005; Tạ Bảo N, sinh ngày: 04-12-2008; Tạ Quang V, sinh ngày: 29-3-2016 và Tạ Anh T, sinh ngày: 14-02-2018. Cháu N có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Ng có nguyện vọng ở với ba; đồng thời trên thực tế hiện nay cháu V đang ở với ông L, cháu T đang ở cùng bà L nên đề nghị giao cháu Ng và cháu V cho ông L nuôi, giao cháu N và cháu T cho bà L nuôi, không ai yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung về việc chia tài sản chung; bị đơn có yêu cầu phản tố. Ngày 02-12-2019 và ngày 13-02-2020 bà Trần Thị Thùy L có đơn rút một phần yêu cầu khởi

kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng; Ngày 05-12-2019 ông Tạ Quang L có đơn xin rút yêu cầu phản tố ngày 13-8-2018 nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 11-4-2018 bà Trần Thị Thùy L có đơn khởi kiện ông Tạ Quang L về việc xin ly hôn. Bà L và ông L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Thùy L và ông Tạ Quang L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 09-9-2004 tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố V, tỉnh B, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà L cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách, ông L có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; Bà L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông L không những không thay đổi mà còn nhiều lần đánh đập bà dẫn đến thương tích, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tạ Quang L. Về phía ông Tạ Quang L thì cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức quá trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình làm việc và tại phiên Tòa hôm nay ông L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông chấp nhận ly hôn.

Qua xác minh được biết trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh có mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra xô xát và đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông L là có thật; Vợ chồng không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, mỗi người sống cho cá nhân của mình không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà L vẫn giữ quan điểm

yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông L, phía ông L chấp nhận ly hôn nên ghi nhận.

[2.2]. Về con chung: bà L và ông L xác định có 04 (bốn) con chung là cháu Tạ Thảo N, sinh ngày: 27-4-2005; Tạ Bảo Ng, sinh ngày: 04-12-2008; Tạ Quang V, sinh ngày: 29-3-2016 và Tạ Anh T, sinh ngày: 14-02-2018. Bà L và ông L có nguyện vọng được nuôi 04 (bốn) con chung, tuy nhiên tại phiên tòa, bà L có nguyện vọng nuôi cháu V và cháu T; ông L có nguyện vọng nuôi cháu V và cháu Bảo Ng. Xét thấy, cháu Tạ Thảo N có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Tạ Bảo Ng có nguyện vọng ở với ba, hiện nay cháu N, cháu Ng, cháu V đang thực tế sống chung với ông L, cháu T đang thực tế chung sống với bà L. Qua xác minh về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con thì thấy từ năm 2018 cho đến nay, ông L trực tiếp nuôi cháu N, cháu Ng, cháu V; Quá trình nuôi con, ông L chăm sóc con tốt, chu đáo, các cháu phát triển bình thường, ngoan ngoãn. Nhằm xét nguyện vọng của các con đủ 7 tuổi và không để xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao cháu Tạ Thảo N và Tạ Anh T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Tạ Quang V và Tạ Bảo Ng cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[2.3] .Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.4].Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28-8-2018 bà Trần Thị Thùy L yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 229, tờ bản đồ số 49, diện tích 82,4m² tọa lạc tại phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số BD 962463; Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ số 88, diện tích 72m² tọa lạc tại phường 10, thành phố Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số AK 916624 ngày 22-10-2007; ông L, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh H ngày 22-8-2014; Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 13, diện tích 335m² tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số CE 484487 ngày 11-10-2016; ông L, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Tư D, bà Nguyễn Thị T ngày 28-3-2017; Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1329, tờ bản đồ số 13, diện tích 239m² tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSD đất số CE 484486 ngày 11-10-2016; ông L, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Tư D, bà Nguyễn Thị T ngày 28-3-2017; Nhà đất tọa lạc tại số 249 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, đã được cấp GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 777472653600193 cho bà Văn Thị Ngọc C. Ông L, bà L nhận chuyển nhượng ngày 28-3-2017.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 13-8-2018, ông Tạ Quang L yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ số 88, diện tích 72m² tọa lạc tại phường 10, thành phố Vũng Tàu, ông L được chia 2/3 giá trị nhà đất nêu trên.

Ngày 02-12-2019 và ngày 13-02-2020 bà Trần Thị Thùy L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 05-12-2019 ông Tạ Quang L có đơn xin rút yêu cầu phản tố ngày 13-8-2018.

Xét thấy, bà Trần Thị Thùy L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng, ông Tạ Quang L rút yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

[2.5]. Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.6]. Về chi phí tố tụng khác: Bà L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo vẽ, định giá là 20.224.589đ (Hai mươi triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm tám mươi chín đồng). Bà L đã nộp xong.

[2.6]. Về án phí : bà L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Do Bà Trần Thị Thùy L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản chung nên bà L được hoàn trả lại toàn bộ số tiền 59.125.000đ (Năm mươi chín triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005008 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Do ông Tạ Quang L rút yêu cầu phản tố về việc tranh chấp tài sản chung nên ông L được hoàn trả lại toàn bộ số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005081 ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự ; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: bà Trần Thị Thùy L được ly hôn với ông Tạ Quang L.
2. Về con chung: bà L và ông L xác định có 04 (bốn) con chung là cháu Tạ Thảo N, sinh ngày: 27-4-2005; Tạ Bảo Ng, sinh ngày: 04-12-2008; Tạ Quang V, sinh ngày: 29-3-2016 và Tạ Anh T, sinh ngày: 14-02-2018. Bà Trần Thị Thùy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tạ Thảo N và cháu Tạ Anh T; Ông Tạ Quang L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tạ Bảo Ng và cháu Tạ Quang V. Bà L và ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L và bà L được quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản chung; đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Tạ Quang L.

4. Nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

5. Chi phí tố tụng khác : Bà L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo vẽ, định giá là 20.224.589đ (Hai mươi triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm tám mươi chín đồng). Bà L đã nộp xong.

6. Về án phí: Bà Trần Thị Thùy L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001888 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu. Bà L đã nộp xong.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thùy L số tiền 59.125.000đ (Năm mươi chín triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005008 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Hoàn trả lại cho ông Tạ Quang L số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005081 ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên

tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPV
- Chi cục THADS TPV;
- TAND tỉnh B;
- UBND P. 7, TP. V
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG